

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HSST
Ngày: 23/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn N Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Trần Thanh Xuân, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Trần Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình; Xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2018/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2018; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn T, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1953, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Lạc L và bà Nguyễn Thị K; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: có 04 con đều đã trưởng thành;

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ kể từ ngày 06/04/2018, chuyển tạm giam ngày 08/4/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

Người bị hại:

1. Cháu Nguyễn Thu T1, sinh ngày 09/9/2011. Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1992 (Mẹ đẻ cháu T1); Trú tại: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

2. Cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/9/2010. Người đại diện hợp pháp của cháu N: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982 (Mẹ đẻ cháu N); Trú tại: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Thu T1 và cháu Nguyễn Bảo N: Ông Phạm Văn Sỹ và bà Lê Thị Thu Hà đều là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, (Ông Sỹ vắng mặt, bà Hà có mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 06 năm 2017 đến cuối tháng 07 năm 2017, Nguyễn Văn T ở thôn P, xã V, huyện N đã thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu Nguyễn Thu T1 sinh ngày 09/09/2011 và cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 02/09/2010 đều ở thôn P, xã V, huyện N; Cụ thể như sau:

Đối với cháu Nguyễn Bảo N:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ một ngày cuối tháng 6 năm 2017 (Không xác định được ngày cụ thể). T đang ở nhà thì thấy cháu N con gái anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị L ở cùng thôn giáp nhà T đến chơi ở sân. T đã nảy sinh ý định thỏa mãn nhu cầu sinh dục đối với cháu N nên T đã gọi cháu N vào bếp của gia đình rồi lấy 01 bao bì nilon màu trắng KT (0,9 x 0,5)m trên có dòng chữ “Thức ăn chăn nuôi Tongwei” trải xuống nền bếp. T bảo cháu N nằm ngửa trên vỏ bao bì rồi tụt quần cháu N xuống đầu gối, sau đó T cũng tự tụt quần của mình và nằm đè lên người cháu N và ôm hôn cháu N sau đó T cho dương vật của mình vào giữa 02 đùi cháu N và bảo cháu kẹp chặt đùi lại T cọ sát dương vật vào đùi và bên ngoài âm hộ của cháu N khoảng 5 phút thì xuất tinh xuống dưới bao bì mà cháu N và T nằm. Sau khi xuất tinh xong thì T bảo cháu N mặc quần đi về và đừng nói cho bố mẹ cháu.

Lần thứ 2: Vào buổi chiều một ngày giữa tháng 7 năm 2017 (Không xác định được ngày cụ thể), T đang ở nhà thì thấy cháu N đến chơi thì T đã dẫn cháu N đi lên gác xép ở cuối gian nhà của T. Sau đó T trải 01 tấm bạt nilon màu xanh KT(2,1 x 3,5)m xuống nền gác xép và bảo cháu N nằm ngửa tự cởi quần đến đầu gối sau đó T cũng tự tụt quần của mình đến đầu gối và nằm sắp đè lên cháu N. T cho dương vật của mình vào giữa 02 đùi cháu N và bảo cháu kẹp chặt đùi lại T cọ sát dương vật vào đùi và bên ngoài âm hộ của cháu N khoảng 5 phút thì xuất tinh xuống dưới tấm bạt nilon màu xanh. Sau đó T bảo cháu N mặc quần đi về nhà.

Lần thứ 3: Khoảng 10 giờ một ngày cuối tháng 7 năm 2017 (Không xác định được ngày cụ thể). T đi chăn bò về thì thấy cháu N đang chơi ở sân nên T đã gọi cháu N vào nhà và bảo cháu lên giường tại vị trí phòng khách của gia đình T. Sau đó T bảo cháu N tụt quần đến đầu gối rồi T ôm hôn cháu và cho dương vật của mình vào giữa 02 đùi cháu N rồi bảo cháu kẹp chặt đùi lại. T cọ sát dương vật vào đùi và bên ngoài

âm hộ của cháu N khoảng 5 phút thì xuất tinh ra giường rồi bảo cháu N mặc quần đi về nhà.

Đối với cháu Nguyễn Thu T1:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ một ngày đầu tháng 6 năm 2017 (Không xác định được ngày cụ thể). T đi chăn bò về thì thấy cháu T1 con gái anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Hồng N1 ở cùng thôn đang chơi ở sân của gia đình T thì T đã nảy sinh ý định thỏa mãn nhu cầu sinh dục của mình nên đã gọi cháu T1 vào giường ở bếp trên của gia đình T. Sau đó T bảo cháu T1 nằm lên giường T cởi quần cháu T1 ra và tự cởi quần của mình rồi lên giường nằm sấp đè lên cháu T1. T ôm hôn cháu T1 rồi bảo cháu kẹp chặt hai đùi lại. T cho dương vật vào giữa hai đùi của cháu T1 cọ sát vào đùi và bên ngoài âm hộ cháu khoảng 5 phút thì T xuất tinh rồi T mặc quần và bảo cháu mặc quần đi về dùng mách mẹ.

Lần thứ 2: Vào khoảng 10 giờ một ngày giữa tháng 6 năm 2017 (Không xác định được ngày cụ thể). T đi chăn bò về thì thấy cháu T1 đang chơi ở sân thì T đã gọi cháu T1 vào phòng chị Đ (Con dâu T). T bật tivi cho cháu T1 xem và nói “*Cho ông ôm hôn tình cảm tý*” và bảo cháu T1 nằm lên giường tụt quần đến đầu gối. Sau đó T tự tụt quần của mình xuống đầu gối rồi nằm sấp đè lên cháu T1 nằm ngửa rồi ôm hôn cháu T1. T cho dương vật vào giữa hai đùi của cháu T1 cọ sát vào đùi và bên ngoài âm hộ cháu T1. Lúc này T phát hiện vợ là bà H về đến sân. T bảo cháu T1 mặc quần áo và cháu đi về lần này T chưa xuất tinh.

Lần thứ 3: Khoảng 13 giờ ngày 07/08/2017 T sang nhà bà Nguyễn Thị C (bà nội cháu T1) ở cùng thôn để hút thuốc Lào thì thấy cháu T1 đang ở nhà cháu giáp với nhà bà C và có cửa ngách thông sang nhà bà C. T đi ra phía sau vườn thấy bà C đang san lấp đất thì T đi vào nhà cháu T1. T đã bế cháu T1 lên giường kê ở gằm cầu thang nhà cháu T1 rồi T nằm sấp đè lên người cháu T1 ôm hôn cháu. Lúc này bà C đi từ vườn vào trong nhà cháu T1 thấy T đang ôm hôn cháu T1 thì bà C nói “*Sao chú lại làm vậy*”. T đã buông cháu T1 ra và nói “*Tình cảm tý ấy mà*” sau đó T đi về nhà. Sau khi chứng kiến vụ việc bà C đã nói với bố mẹ cháu T1. Gia đình cháu T1 đã có đơn trình báo Cơ quan điều tra để giải quyết.

Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T 01 bì nilon màu trắng KT (0,9 x 0,5)m trên có dòng chữ “Thức ăn chăn nuôi Tongwei”; 01 tấm bạt nilon màu xanh KT(2,1 x 3,5)m và tạm giữ 02 giấy khai sinh bản gốc của cháu Nguyễn Thu T1 và Nguyễn Bảo N để phục vụ cho quá trình điều tra vụ án. Sau khi xem xét đã trả lại 02 giấy khai sinh bản gốc của cháu Nguyễn Thu T1 và Nguyễn Bảo N cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Tại Bản kết luận giám định pháp Y về sinh dục số: 015 ngày 14/08/2017 của Trung tâm pháp Y Sở y tế tỉnh Ninh Bình kết luận đối với cháu Nguyễn Bảo N: Màng trinh kiểu “*Hình môi*”, không có vết rách, không xung huyết và không chảy máu.

- Tại Bản kết luận giám định pháp Y về sinh dục số: 016 ngày 14/08/2017 của Trung tâm pháp Y Sở y tế tỉnh Ninh Bình kết luận đối với cháu Nguyễn Thu T1 Màng trinh kiểu “*Hình môi*”, không có vết rách, không xung huyết và không chảy máu.

- Tại Bản kết luận giám định pháp Y về sinh dục số: 003 ngày 08/02/2018 của Trung tâm pháp Y Sở y tế tỉnh Ninh Bình kết luận đối với Nguyễn Văn T:

1. Cấu trúc cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường, không có tổn thương.

2. Chức năng sinh lý: Không xác định do đương sự không có khả năng cương cứng dương vật và xuất tinh.

3. Bệnh lý khác: HIV (-) âm tính; HbsAg (-) âm tính;

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp Y về sinh dục của trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với trẻ em”.

- Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSNQ- HS ngày 31/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Dâm ô đối với trẻ em”; theo điểm a, b khoản 2 Điều 116 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 116; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; xử phạt Nguyễn Văn T từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/04/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 khoản 2 BLHS; các điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo phải bồi thường cho cháu N và cháu T1 tiền tổn thất về tinh thần mỗi cháu từ 06 đến 08 tháng lương tối thiểu tương đương với số tiền từ 8.340.000^d đến 11.120.000^d.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 bì nylon màu trắng KT (0,9 x 0,5)m trên có dòng chữ “Thức ăn chăn nuôi Tongwei”; 01 tấm bạt nylon màu xanh KT (2,1 x 3,5)m.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T1, cháu N đề nghị xét xử bị cáo nghiêm trước pháp luật và bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu T1, cháu N theo quy định của pháp luật.

Chị L là người đại diện hợp pháp của cháu N đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Mặc dù tuổi cao nhưng vẫn có nhu cầu sinh hoạt tình dục, do bà H (Vợ bị cáo) đã mãn kinh nên không sinh hoạt tình dục được. Do thèm khát nhu cầu sinh lý nên đã thực hiện hành vi xâm hại tình dục đối với các cháu T1 và N cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 07/08/2017 bị cáo sang nhà bà Nguyễn Thị C (bà nội cháu T1) ở cùng thôn để hút thuốc Lào thì thấy cháu T1 đang ở nhà cháu giáp với nhà bà C và có cửa ngách thông sang nhà bà C. Bị cáo đi ra phía sau vườn thấy bà C đang san lấp đất thì bị cáo đi vào nhà cháu T1. Bị cáo đã bế cháu T1 lên giường kê ở gầm cầu thang nhà cháu T1 rồi bị cáo nằm sấp đè lên người cháu T1 ôm hôn cháu. Lúc này bà C đi từ vườn vào trong nhà cháu T1 thấy bị cáo đang ôm hôn cháu T1 thì bà C nói “Sao chú lại làm vậy”. Bị cáo đã buông cháu T1 ra và nói “Tình cảm tý ấy mà” sau đó bị cáo đi về.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ đầu tháng 06 năm 2017 đến cuối tháng 07 năm 2017 bị cáo (Không xác định được ngày cụ thể) đã 03 lần thực hiện hành vi xâm hại tình dục đối với cháu N và 02 lần thực hiện hành vi xâm hại tình dục đối với cháu T1 bằng những hành vi sau: Khi thấy các cháu sang nhà bị cáo chơi bị cáo gọi và dẫn các cháu vào nhà bảo các cháu nằm ngửa trên bao nylon do bị cáo trải trên nền bếp, gác xép hoặc trên giường. Sau đó bị cáo bảo các cháu tự tụt quần xuống đầu gối, bị cáo

cũng tự tụt quần xuống đầu gối và nằm sấp đè lên người các cháu ôm hôn các cháu, sau đó bị cáo chống khủy tay lên và cho “Dương vật” đã cương cứng vào giữa hai đùi các cháu và bảo các cháu kẹp chặt lại và ấn dương vật chạm vào âm hộ các cháu. (Bị cáo thừa nhận do âm hộ các cháu bé nên dương vật chỉ cọ sát bên ngoài). Sau đó bị cáo nháp lên, nháp xuống khoảng 5 phút thì xuất tinh, sau khi xuất tinh xong thì bị cáo bảo các cháu mặc quần đi về và dặn đừng nói cho ai biết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự kiểm điểm, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bà C (BL 104-114); phù hợp với lời khai của cháu Nguyễn Thu T1 có sự tham gia của người giám hộ, các trợ giúp viên pháp lý (BL 163-172);); phù hợp với lời khai của cháu Nguyễn Bảo N có sự tham gia của người giám hộ, các trợ giúp viên pháp lý (BL 186-195).

Mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận là không có ý định giao cấu với các cháu với lý do các cháu còn nhỏ, âm hộ các cháu bé nên không muốn đưa dương vật vào trong âm hộ mà bị cáo chỉ dùng dương vật cọ sát vào đùi và bên ngoài âm hộ các cháu để tìm cảm giác khoái cảm sinh lý. Xét về hành vi khách quan mà bị cáo đã thực hiện đối với cháu T1 và cháu N, là hành vi “Giao cấu” mà đối tượng trong vụ án này là cháu Nguyễn Thu T1, sinh ngày 09/9/2011 là trẻ em đang ở độ tuổi hơn 5 tuổi và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/9/2010 là trẻ em đang ở độ tuổi hơn 6 tuổi. Do đó, hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS năm 1999. (Điều 112 khoản 4 BLHS năm 1999 quy định mức hình phạt cao nhất đến tử hình) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh Ninh Bình.

[3] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 01/8/2018 Tòa án đã có Quyết định số 01/2018/HSST-QĐ trả hồ sơ để Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Ninh Bình chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát có thẩm quyền truy tố. Ngày 03/8/2018 Viện kiểm sát huyện N có công văn số 01/CV-VKSNTQ-HS về việc giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 39/CT-VKSNTQ- HS ngày 31/5/2018. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T về những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát huyện N đã truy tố theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Như vậy, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 06 năm 2017 đến cuối tháng 07 năm 2017, Nguyễn Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 02/09/2010 là trẻ em đang ở độ tuổi hơn 6 tuổi tại gia đình T ở thôn P, xã V, huyện N. Lần thứ nhất vào khoảng 09 giờ một ngày cuối tháng 6 năm 2017; Lần 2 vào buổi chiều một ngày giữa tháng 7 năm 2017; Lần 3 vào khoảng 10 giờ một ngày cuối tháng 7 năm 2017 và Nguyễn Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu Nguyễn Thu T1 sinh ngày 09/09/2011 là trẻ em đang ở độ tuổi hơn 5 tuổi.

Lần thứ nhất vào khoảng 10 giờ một ngày đầu tháng 6 năm 2017 và lần 2 vào khoảng 10 giờ một ngày giữa tháng 6 năm 2017 đều tại gia đình của Nguyễn Văn T ở thôn P, xã V, huyện N; Lần 3 vào khoảng 13 giờ ngày 07/08/2017 tại gia đình cháu Nguyễn Thu T1 ở thôn P, xã V, huyện N

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người. Đối tượng tác động của tội phạm là trẻ em được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý nhằm thỏa mãn dục vọng của bị cáo; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em” thuộc trường hợp “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Đối với nhiều trẻ em*” Được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 116 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa chị L là người đại diện hợp pháp của cháu N đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến danh dự nhân phẩm của cháu N và cháu T1 nên những người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận. Cụ thể, theo quy định của pháp luật thì mức bồi thường thiệt hại danh dự nhân phẩm không quá 10 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định, Hội đồng xét xử cân nhắc trên cơ sở thiệt hại mà bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu để buộc mức bồi thường tương ứng. Mức lương tối thiểu hiện nay là 1.390.000 đồng; số tháng lương cần chấp nhận là 5 tháng (1.390.000 đồng x 5 tháng = 6.950.000 đồng/cháu).

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày chị N1 và chị L có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo T chậm trả tiền thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì nilon màu trắng KT (0,9 x 0,5)m trên có dòng chữ “Thức ăn chăn nuôi Tongwei”; 01 tấm bạt nilon màu xanh KT(2,1 x 3,5)m không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ, theo quy định tại Điều 41 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[5] Các vấn đề khác:

- Căn cứ vào hành vi mà bị cáo đã thực hiện đối với các cháu Nguyễn Thu T1 và cháu Nguyễn Bảo N, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T có dấu hiệu của tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS năm 1999 và thuộc thẩm quyền giải quyết của các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh Ninh Bình. Do đó, cần kiến nghị các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh Ninh Bình xem xét hành vi của Nguyễn Văn T.

- Về án phí:

+ Án phí hình sự bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Án phí dân sự bị cáo phải chịu là $(6.950.000 \times 2) \times 5\% = 695.000^d$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em”;

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 116; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 6 (Sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/04/2018.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; các điều 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho:

2.1. Cháu Nguyễn Bảo N thông qua người đại diện hợp pháp là chị Bùi Thị L số tiền là 6.950.000 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

2.2. Cháu Nguyễn Thu T1 thông qua người đại diện hợp pháp là số tiền là chị Nguyễn Thị Hồng N1 6.950.000 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự, kể từ ngày chị N1 và chị L có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo T chậm trả tiền thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu huỷ: 01 bì nilon màu trắng, 01 tấm bạt nilon màu xanh (Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/6/2018 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 các điều 135, 136 của BLTTHS; áp dụng Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm. và 695.000^d (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, chị N1, chị L, ông Sỹ, bà Hà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA.DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người đại diện NBH;
- Người bảo vệ NBH;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn N Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phiếu

Tạ Khắc Nghĩa

Nguyễn N Bình

